TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN W** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/DS-ST
Ngày 22 - 02 - 2024
V/v Tranh chấp đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYÊNH W TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Tuyết Ngọc.

2. Bà Lưu Thị Hồng Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện W tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện W tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện W tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 237/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023; về việc "*Tranh chấp đòi tài sản",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 350/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 284/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2023; Thông báo về việc dời ngày xét xử số 10/2023/TB-TA ngày 27 tháng 12 năm 2023; Thông báo về việc dời ngày xét xử số 01/2024/TB-TA ngày 12 tháng 01 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 06/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H (tên khác S), sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số 56A, ấp Q, xã E, huyện W, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn*:

1. Ông Tạ Trung Y, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp Q, xã E, huyện W, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp Q, xã E, huyện W, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/09/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vào ngày 12/3/2022 âm lịch, giữa bà Nguyễn Thị H và bà Phạm Thị N có giao dịch góp hụi với nhau. Bà Phạm Thị N tham gia góp hụi 01 phần hụi, có mức hụi 5.000.000đồng do bà Nguyễn Thị H làm chủ hụi, sau khi hốt hụi bà Phạm Thị N không thực hiện đóng hụi như thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp. Ngày 31/01/2023, Tổ hòa giải ấp Q, xã E tổ chức hòa giải vụ việc tranh chấp, tại phiên hoà giải và tại biên bản hoà giải bà Phạm Thị N thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị H số tiền 140.000.000 đồng và hai bên thỏa thuận bà Phạm Thị N trả hàng tháng 2.500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Thời gian trả vào ngày 12 hàng tháng ấm lịch và bắt đầu góp vào ngày 12/01/2023 âm lịch. Quá trình thực hiện đã hơn 09 tháng mà bà Phạm Thị N mới thanh toán được số tiền 6.200.000 đồng. Số tiền còn lại là 133.800.000 đồng. Do bà Phạm Thị N vi phạm thỏa thuận giữa các bên nên bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Phạm Thị N cùng chồng là ông Tạ Trung Y thanh toán hết số tiền còn lại. Nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện W giải quyết: Buộc bà Phạm Thị N và ông Tạ Trung Y phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 133.800.000 đồng.

2. Bị đơn ông Tạ Trung Y và bà Phạm Thị N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án só 237/2023/TB-TLVA ngày 05/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện W, tỉnh Sóc Trăng (Niêm yết ngày 06/10/2023) nên ông Tạ Trung Y và bà Phạm Thị N đã biết nội dung, căn cứ khởi kiện và những vấn đề bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng ông Tạ Trung Y và bà Phạm Thị N không có văn bản trả lời theo Tòa án ấn định. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không tham gia. Tuy nhiên, sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 29/12/2023 ông Tạ Trung Y và bà Phạm Thị N có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 22/12/2023 và thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị H chỉ có 40.000.000đồng.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H giữ nguyên nội dung và yêu cầu của đơn khởi kiện.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật; riêng bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa

và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[I] Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H cho rằng ông Tạ Trung Y và bà Phạm Thị N còn nợ số tiền là 133.800.000đồng từ ngày 31/01/2023 nhưng đến nay không trả, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tạ Trung Y và bà Phạm Thị N trả số tiền là 133.800.000đồng. Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp "*Tranh chấp đòi tài sản"* là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Trong vụ án bị đơn Tạ Trung Y và Phạm Thị N cư trú tại ấp Q, xã E, huyện W, tỉnh Sóc Trăng, vụ án được giải quyết theo thủ tục sơ thẩm và không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần ủy thác tư pháp. Do vậy, Toà án nhân dân huyện W, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Tạ Trung Y và bà Phạm Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và có đơn xin vắng mặt, việc vắng mặt không gây trở ngại đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[II] Về nội dung:

[1] Theo nguyên đơn, vào ngày 12/3/2022 âm lịch thì bà Nguyễn Thị H và bà Phạm Thị N có giao dịch góp hụi với nhau, bà Phạm Thị N hốt hụi mà không đóng hụi theo thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp. Tại phiên hoà giải ngày 31/01/2023 của Tổ hòa giải ấp Q, xã E tổ chức hoà giải, bà Phạm Thị N thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị H số tiền 140.000.000 đồng và thỏa thuận trả hàng tháng 2.500.000 đồng cho đến khi hết nợ, thời gian trả vào ngày 12 hàng tháng ấm lịch và bắt đầu góp trả từ ngày 12/01/2023 âm lịch.

[2] Xét thấy, bị đơn đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án số 237/2023/TB-TLVA ngày 05/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện W, tỉnh Sóc Trăng (Niêm yết ngày 06/10/2023), bị đơn ông Tạ Trung Y và bà Phạm Thị N đã biết nội dung, căn cứ khởi kiện và những vấn đề nguyên đơn Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn 40.000.000đồng.

[3] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, nguyên đơn cung cấp cho Toà án Biên bản hòa giải ngày 31/01/2023 của Tổ hòa giải ấp Q, xã E, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã E, huyện W; tại biên bản này ghi nhận bị đơn bà Phạm Thị N thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị H số tiền 140.000.000 đồng và xin được trả góp mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi hết nợ, thời gian trả vào ngày 12 hàng tháng ấm lịch và bắt đầu góp trả từ ngày 12/01/2023 âm lịch. Xét thấy, tại các Biên bản xác minh ngày 19/02/2024 ông Lâm Thanh P (Trưởng BND ấp Q – là người ghi biên bản) và ông Phạm Văn O (Bí thư chi bộ ấp – Tổ trưởng Tổ hòa giải) đều xác nhận nội dung biên bản ghi

nhận đúng lời trình bày của bị đơn Phạm Thị N và đúng như các bên thỏa thuận, những tình tiết, sự kiện ghi nhận trong biên bản này là khách quan, thuộc trường hợp không phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Nguyên đơn khởi kiện và trình bày phù hợp với nội dung Biên bản hòa giải ngày 31/01/2023 đã ghi nhận. Do đó, có căn cứ xác định tính đến ngày 31/01/2023 bị đơn bà Phạm Thị N còn nợ bà Nguyễn Thị H số tiền 140.000.000 đồng và thoả thuận trả mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi hết nợ, thời gian trả vào ngày 12 hàng tháng ấm lịch và bắt đầu góp trả từ ngày 12/01/2023 âm lịch là sự việc có thật và xảy ra trong thực tế khách quan.

[4] Theo nguyên đơn, sau khi thoả thuận bà Phạm Thị N thực hiện trả nợ được số tiền 6.200.000 đồng, còn lại là 133.800.000 đồng. Xét thấy, việc trả nợ của bà Phạm Thị N đều không có giấy tờ để chứng minh, các bị đơn cũng không ý kiến về việc thực hiện trả nợ và trả được bao nhiêu, nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc bị đơn trả số nợ là theo nguyên đơn xác nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 133.800.000 đồng.

[5] Theo khoản 1 Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015, quy định "*Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật*". Xét thấy, số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn tuy xuất phát từ giao dịch hụi, nhưng đến ngày 31/01/2023, hai bên thống nhất chốt nợ bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 140.000.000 đồng và thỏa thuận trả hàng tháng đến hết nợ. Bị đơn thực hiện trả cho nguyên đơn được số tiền 6.200.000 đồng, số tiền còn lại là 133.800.000 đồng bị đơn không tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn theo như thoả thuận nên bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do vậy, nguyên đơn Nguyễn Thị H yêu cầu Toà án buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 133.800.000 đồng và phải trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Xét thấy, người vi phạm nghĩa vụ trả tiền phải trả lãi do chậm thực hiện kể từ thời điểm vi phạm; bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền trước khi nguyên đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ thời điểm nguyên đơn khởi kiện đến nay là phù hợp, có lợi cho bị đơn; mức lãi suất áp dụng tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi từ ngày khởi kiện 13/09/2023 đến ngày xét xử 22/02/2024 là 5.909.500 đồng (133.800.000 đồng x 10%/năm x 05 tháng 09 ngày).

[7] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị đơn ông Tạ Trung Y và bà Phạm Thị N cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền 133.800.000 đồng và tiền lãi. Xét thấy, số tiền bà Phạm Thị N còn nợ bà Nguyễn Thị H phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên được xác định là nợ chung của bà Phạm Thị N và ông Tạ Trung Y theo quy định tại các Điều 33, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đồng thời, tại Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 22/12/2023 các bị đơn cũng thừa nhận vợ chồng còn nợ bà Nguyễn Thị H. Do đó, cần buộc bà Phạm Thị N và ông Tạ Trung Y cùng có nghĩa vụ thanh toán

số tiền 133.800.000 đồng và tiền lãi cho bà Nguyễn Thị H là đúng pháp luật.

[8] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị H, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị H là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tiếp tục áp dụng Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2024/QĐ-BPKCTT ngày 23 tháng 01 năm 2024 để bảo đảm việc thi hành án là có căn cứ, được chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị H được chấp nhận nên bị đơn bà Phạm Thị N và ông Tạ Trung Y phải chịu án phí có giá ngạch số tiền 6.985.475 đồng (139.709.500 đồng x 5%), theo theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng phí 3.345.000 đồng theo biên lai thu số 0010316 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện W, tỉnh Sóc Trăng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 33 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn bà Phạm Thị N và ông Tạ Trung Y.

Buộc bị đơn bà Phạm Thị N và ông Tạ Trung Y có nghĩa vụ thanh toán cho bị đơn bà Nguyễn Thị H số tiền 133.800.000 đồng và lãi chậm trả 5.909.500 đồng, tổng cộng phải trả là 139.709.500 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án thì bị đơn bà Phạm Thị N và ông Tạ Trung Y phải giao trả đủ số tiền 136.709.000đồng theo quy định của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Nếu bị đơn bà Phạm Thị N và ông Tạ Trung Y không thực hiện thì phải trả lãi

đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Tiếp tục áp dụng Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2024/QĐ-BPKCTT ngày 23 tháng 01 năm 2024 để đảm bảo cho việc thi hành án, cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi Cơ quan Thi hành án có Quyết định Thi hành bản án thì quyết định này hết hiệu lực.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Phạm Thị N và ông Tạ Trung Y phải chịu 6.985.475 đồng.

Bà Nguyễn Thị H được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.345.000 đồng theo biên lai thu số 0010316 ngày 03/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện W, tỉnh Sóc Trăng.

4. Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú) để xin Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện W;
- THADS huyện W;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hùng Nuôi